TÒA ÁN NHÂN DÂN TP.T TỈNH H	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 125/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 22/10/2021
V/v "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T – TỈNH H

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Đào Dương Thị Phương Dung**
Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Xuân Vinh**
Bà **Nguyễn Thị Lý**

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà **Nguyễn Thị Việt Hà** – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T** tham gia phiên tòa*: Bà **Phan Thị Trưng** - Kiểm sát viên

Hôm nay, ngày 22 tháng 10 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố T mở phiên tòa công khai để xét xử sơ thẩm vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 508/2021/TLST-HNGĐ ngày 20/4/2021 về việc ***"Ly hôn"***, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 118/2021/QĐST-HNGĐ ngày 18/10/2021 giữa các đương sự sau:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Phạm Thị T** - Sinh năm 1974
Địa chỉ: 77 đường K, khối T, phường M, thành phố V, tỉnh A. (Có đơn xin vắng mặt)

2. *Bị đơn:* Ông **Nguyễn Huy T** - Sinh năm 1962
Địa chỉ: 245B đường Đ, phường H, thành phố T. (Có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện nguyên đơn bà Phạm Thị T trình bày:

Tôi kết hôn với anh Nguyễn Huy T năm 2019 có đăng ký kết hôn. Sau khi khi kết hôn về sống chung với nhau, tôi thấy có quá nhiều thay đổi không như mong muốn. Trước khi kết hôn với anh T, tôi đã có gia đình (chồng mất) và có hai con. Về sống với anh T, tôi phải xa các con. Các con tôi đang độ tuổi học sinh, sinh viên cần sự chăm sóc của mẹ. Khi tôi về thăm con thì giữa tôi và anh T xảy ra lục đục về tình cảm. Tôi cảm thấy giữa tôi và anh T không có sự liên quan về tiền bạc, nhà cửa, con cái nên tôi xin ly hôn với anh T để trả tự do cho anh và bản thân tôi cũng làm tròn trách nhiệm một người mẹ với các con tôi.

- Về con chung: giữa tôi và anh T không có con chung.
- Về tài sản chung và nợ chung: tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Huy T trình bày tại bản tự khai ngày 28/6/2021:

Tôi và cô Phạm Thị T đăng ký kết hôn ngày 14/10/2019. Sau khi kết hôn với cô T thì giữa tôi và cô T xảy ra nhiều mâu thuẫn liên quan đến tiền bạc. Nay cô T xin ly hôn, tôi đồng ý vì người đã không còn tình cảm thì tiền bạc cũng không có nghĩa lý gì.

Giữa tôi và cô T không có con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên toà đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T phát biểu quan điểm: chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của nguyên đơn được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

** Về thủ tục tố tụng:*

- Việc bà Phạm Thị T khởi kiện yêu cầu được giải quyết ly hôn với ông Nguyễn Huy T, xét yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị T là hoàn toàn đúng pháp luật nên chấp nhận và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố T.

- Bà Phạm Thị T và ông Nguyễn Huy T vắng mặt tại phiên tòa. Tuy nhiên bà T và ông T đều đã có lời khai và có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bà Phạm Thị T và ông Nguyễn Huy T.

** Về nội dung vụ án:*

Bà Phạm Thị T và ông Nguyễn Huy T tự nguyện đăng ký kết hôn được Ủy ban nhân dân phường H – thành phố T cấp giấy chứng nhận kết hôn số 148/2019, ngày 14/10/2019. Đây là hôn nhân hợp pháp.

Hội đồng xét xử xét thấy: Trong quá trình chung sống, cuộc sống hôn nhân của bà Phạm Thị T và ông Nguyễn Huy T không hạnh phúc do không tìm hiểu kỹ trước khi kết hôn, xảy ra nhiều mâu thuẫn. Xét tình trạng hôn nhân của bà T và ông T không thể hàn gắn được và đây là yêu cầu chính đáng của nguyên đơn phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà T và ông T ly hôn.

- Về con chung: giữa bà T và ông T không có con chung

- Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu do đó Hội đồng xét xử không xem xét, nếu sau này các đương sự có đơn yêu cầu sẽ được giải quyết bằng vụ kiện dân sự khác.

- Về án phí: Bà Phạm Thị T phải nộp án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 235, Điều 264, Điều 267 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

- Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 57 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu , nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, Bà Phạm Thị T được ly hôn ông Nguyễn Huy T.

2/ Về con chung: giữa bà T và ông T không có con chung

3/ Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét, nếu sau này các đương sự có đơn yêu cầu thì sẽ được giải quyết bằng vụ kiện dân sự khác.

4/ Về án phí: Bà Phạm Thị T phải nộp 300.000đ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2021/0000145 ngày 20/4/2021 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành Phố T, bà T đã nộp đủ án phí.

Nguyên đơn, Bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

***Nơi nhận*:**
- Tòa án nhân dân tỉnh H;
- Viện kiểm sát nhân dân Tp. T;
- Chi cục thi hành án Dân sự Tp. T;
- UBND phường H-Tp. T -tỉnh H
(Giấy chứng nhận kết hôn số 148/2019, ngày 14/10/2019);
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Đào Dương Thị Phương Dung